TẠP CHÍ KHOA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
Tập 17, Số 4 (2020): 611-622
ISSN: 1859-3100
HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE
Vol. 17, No. 4 (2020): 611-622
Website: http://journal.hcmue.edu.vn

Bài báo nghiên cứu

DẤU ẤN TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO THỜI ĐẠI LÝ – TRẦN QUA CÁC TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ SAU NĂM 1986

Lê Thị Thu Trang
Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam
Tác giả liên hệ: Lê Thị Thu Trang – Email: ltttrangsgu@gmail.com
Ngày nhận bài: 04-02-2020; ngày nhận bài sửa: 10-3-2020, ngày chấp nhận đăng: 18-4-2020

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu từ góc độ loại hình về một số dấu ấn tư tưởng của văn hóa Phật giáo trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau năm 1986 viết về thời đại Lý – Trần, trong đó, tư tưởng Tam giáo đồng nguyên, tư tưởng hòa hợp dân tộc và tư tưởng từ bi bác ái trở thành điểm tựa để nhà văn luận giải về các vấn đề nhân sinh, thế sự. Các tác giả tiểu thuyết lịch sử đương đại đã đi tìm "cái nhân dạng dân tộc, cái bản sắc dân tộc" *trong đề tài lịch sử, khơi sâu vào nguồn mạch để tìm sức sống mãnh liệt của nền văn hóa Việt.*

Từ khóa: tiểu thuyết lịch sử; thời đại Lý – Trần; tư tưởng Phật giáo; Văn học Việt Nam sau 1986

1. Đặt vấn đề

Với quan niệm lịch sử có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với văn hóa, các nhà tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau năm 1986 đã có ý thức sâu sắc về sự gắn kết giữa hai yếu tố lịch sử và văn hóa trong sáng tạo của mình. Lịch sử với những biến cố, sự kiện hiện diện trên bề nổi là những tầng giá trị ẩn ngầm như một hằng số quyết định sự thịnh suy của một thời đại, một giai đoạn lịch sử. Cội nguồn văn hóa luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt chi phối toàn bộ tinh thần của tác phẩm. Trong đó, nổi bật nhất là văn hóa Phật giáo. Ở các tác phẩm: *Bão táp triều Trần*, *Tám triều vua Lý* (Hoàng Quốc Hải), *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng* (Bùi Anh Tấn), *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), *Giàn thiêu* (Võ Thị Hảo)... dấu ấn tư tưởng văn hóa Phật giáo hiện diện như những dấu chỉ văn hóa dân tộc, như một lớp diễn ngôn mới về lịch sử mà tân lịch sử gọi là "thi pháp học văn hóa". Trong các tác phẩm này, các tác giả không chỉ lấy Phật giáo soi rọi, suy ngẫm các vấn đề về văn hóa, xã hội, triết lí nhân sinh mà còn chạm đến những vấn đề muôn thuở của kiếp người; hướng độc giả tìm về nguồn cội, tìm lại những giá trị đáng quý trong tâm thức con người hiện đại.

Cite this article as: Le Thi Thu Trang (2020). Imprints of Buddhist thoughts during Ly – Tran dynasties in historical novels after 1986. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 17*(4), 611-622.

2. Nội dung

2.1. Tư tưởng hòa hợp Tam giáo đồng nguyên

Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo là ba tôn giáo có vị trí quan trọng, chi phối mạnh mẽ đến hệ tư tưởng văn hóa Việt Nam suốt một ngàn năm quân chủ chuyên chế. Trong suốt chặng đường dài ấy, đặc biệt là trong thời Lý – Trần, sự kết hợp nhuần nhuyễn, dung hợp giữa ba tôn giáo này đã tạo nên một nền văn minh Đại Việt rực rỡ và tinh hoa. Đó là sự kết hợp của gam màu văn hóa dân gian với văn hóa bác học cung đình, sự hòa hợp giữa chính trị và đời sống tôn giáo tâm linh. Và trong thời Lý – Trần, cho dù các triều đại hưng rồi lại bại, thịnh rồi lại suy thì tư tưởng *Tam giáo đồng nguyên* luôn đóng vai trò quan trọng. Tư tưởng ấy được thể hiện rõ nét nhất qua các kì thi Tam giáo, ở đó người đi thi phải am hiểu cả ba hệ tư tưởng triết học Nho, Phật, Đạo mới có thể đỗ đạt và làm quan.

Trước hết, tư tưởng *Tam giáo đồng nguyên* trong thời kì Lý – Trần đã *được cụ thể hóa qua những nhân vật tiêu biểu của lịch sử.* Điểm chung của *Bão táp triều Trần*, *Tám triều vua Lý* (Hoàng Quốc Hải), *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng* (Bùi Anh Tấn), *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), *Giàn thiêu* (Võ Thị Hảo)… đều có các nhân vật là các đấng quân vương. Nhìn chung, nếu không tính những hôn quân, những vị vua bất tài, chỉ biết ham mê hưởng lạc... thì các nhân vật quân vương của hai triều đại Lý – Trần đều chủ trương một chính sách khoan dung hòa hợp và chung sống hòa bình giữa Nho, Phật, Lão. *Tám triều vua Lý* và *Bão táp triều Trần* của Hoàng Quốc Hải đã giúp độc giả khám phá những thăng trầm của hai triều đại huy hoàng bậc nhất trong lịch sử. Có thể nói, đây là hai bộ tiểu thuyết lịch sử thấm nhuần tinh thần tôn giáo sâu sắc. Đặc biệt, với *Tám triều vua Lý*, Hoàng Quốc Hải dường như mang đến cho độc giả một nhãn giới đậm chất Phật giáo với tư tưởng Thiền là nét cốt lõi. Việc đem tư tưởng này lồng vào hồn cốt các nhân vật, nhất là các nhân vật quân vương (Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông...; Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Anh Tông...) đã cho thấy điều đó. Những vị quân vương này cai trị đất nước bằng sự thông minh sáng suốt, có kỉ cương (Nho), cộng với một tấm lòng luôn hướng về dân mà làm điều thiện (Phật), đồng thời vẫn không bỏ quên hay thờ ơ với sự ưa thích cảnh sống phóng khoáng, phiêu diêu thoát tục (Đạo). Chính vì thế, nhà nghiên cứu Phan Huy Chú cho rằng thời Lý – Trần, dù là chính đạo hay dị đoan đều được tôn chuộng, không phân biệt.

Khi miêu tả việc hành đạo, nhập thế của các nhân vật thiền sư, đạo sĩ..., các tiểu thuyết lịch sử thời Lý – Trần đã cho thấy nhà nước lúc bấy giờ coi Phật và Đạo ngang nhau. Chính vua Lý đã có thơ ca ngợi:

"Giác Hải tâm như hải
Thông Huyền đạo hựu huyền.
Thần thông kiêm biến hóa,
Nhất Phật nhất thần tiên".

Hoặc nhân vật Từ Lộ (Từ Đạo Hạnh), Nguyễn Minh Không trong *Giàn thiêu* với pháp thuật phù chú giải quyết tranh chấp, trả thù; dùng pháp thuật để trị bệnh, để hóa kiếp đầu thai, thể hiện đức tin của quần chúng, chứng tỏ sức mạnh của uy linh huyền bí... cũng đã cho thấy đây là sự kết hợp thịnh hành giữa Phật giáo và Đạo giáo. Với sự kết hợp này, Hoàng Quốc Hải đã khái quát một cách cô đọng và súc tích nhất sự "đồng nguyên" của "Tam giáo" qua luận điểm: "Xã hội Nho – Tâm linh Phật – Thiên nhiên Đạo".

Có thể dễ dàng nhận ra: hầu như không có chương nào, đoạn nào trong các tác phẩm tiểu thuyết lịch sử thời Lý – Trần thể hiện sự xung đột Tam giáo của người Việt thời Lý – Trần. Quan niệm *Tam giáo đồng nguyên* đã thể hiện qua lời vua Lý Nhân Tông nói với Mãn Giác: "Chí nhân thị hiện, tất vụ tế sinh, vô hạnh bất cụ, vô sự bất tu, phi duy thả kính thậm chi" (Bậc trí nhân thị hiện tất phải làm việc cứu giúp chúng sinh, không hạnh nào là không cần có đủ, không việc gì là không phải chăm lo, chẳng phải chỉ sức đinh tuệ mà cũng có công giúp ích nên phải kính nhận nó). Điều này, có thể thấy rõ trong tư tưởng của Trần Thái Tông – Trần Cảnh (1218-1277). Trong bài *Phổ khuyến phát bồ đề tâm*, vua viết:

"Vị minh nhân vọng phân Tam giáo,
Liễu đắc để đồng ngộ nhất tâm." (Many Author, 1989, p.60, 62, 65)

Tư tưởng hòa hợp *Tam giáo đồng nguyên* còn được các tác giả tiểu thuyết lịch sử thể hiện thông qua việc tái hiện *chế độ giáo dục và chính sách cai trị thời Lý – Trần. Bão táp triều Trần, Tám triều vua Lý, Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng, Hồ Quý Ly, Giàn thiêu...* đều cho thấy: Ngay từ khi đất nước giành độc lập, Nho học đã nhờ Phật giáo mà phát triển, trí thức Nho học ngày ấy đa phần đều được dạy dỗ bởi những sư thầy song hành cùng những bậc thầy sĩ nho. Những nhân vật có thể giúp ích cho cộng đồng, cho nước nhà đều ít nhiều được trui rèn từ cửa Phật. Chẳng hạn, Lý Công Uẩn, Lý Nhật Tôn, Lý Càn Đức... trở thành minh quân đều được "giác ngộ" từ cửa Phật, được sự huấn dạy từ các vị thiền sư lỗi lạc. Vua Lý Nhân Tông là người sùng đạo Phật nhưng lại chú trọng đến Nho. Chính vua đã thiết lập chế độ khoa cử đầu tiên ở Việt Nam để chọn nhân tài (năm 1075) và cũng là người mở trường đại học đầu tiên (Quốc Tử Giám) để đào tạo trí thức Nho học (năm 1076) cho nước nhà. Triều Lý đã khuyến khích nhà chùa dạy học cho dân chúng, và cũng từ đây, nhờ sự bảo cử, tiến cử của các nhà sư, nhiều trí thức Nho học được triều đình bổ nhiệm làm quan. Chính Lý Công Uẩn đã nhờ đến Vạn Hạnh, Đỗ Pháp Thuận... để dạy dỗ, ổn định chính trị: "Khá khen cho thầy ta – Đức Vạn Hạnh đã không tiếc công tiếc sức rèn dạy ta đến chỗ rốt ráo của Đạo. Ngoài giáo lí Phật, thầy còn cho ta tham bác kĩ càng kinh sách của Nho gia, Đạo gia" (*Tám triều vua Lý*, tập 1, tr.115)... Và sau này, đến các đời vua Trần, việc vừa trị nước vừa tu Thiền cũng đã thể hiện rõ mối quan hệ này. Việc Tam giáo Phật, Nho và Đạo cùng chung sống trong cộng đồng của người Việt thời Lý – Trần là hệ quả của sự cởi mở về quan điểm chính trị của các ông vua thiền gia thời này. Với tư tưởng bình đẳng và tầm nhìn chiến lược, các vua chủ trương xây dựng một nền văn hóa có sự

dung hòa, cân bằng vị thế giữa ba tôn giáo lớn trong xã hội bấy giờ là Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Điều này thể hiện ở các chính sách của triều đình như: vừa cho dựng chùa, lập các đạo cung, đạo quán, xây đền miếu; vừa đặt giai phẩm cho tăng đạo, sắc phong cho các vị Nho thần; cho dựng văn miếu và Quốc Tử Giám mở khoa thi Nho học nhưng đồng thời mở cả khoa thi Tam giáo dành cho quan lại chuyên trách việc tôn giáo, tế lễ hoặc những người đứng đầu các đền miếu, chùa chiền.

Trong vấn đề giáo dục thời Lý – Trần, nhất là trong việc học của các đấng quân trưởng, tư tưởng hòa hợp *Tam giáo đồng nguyên* được thể hiện sâu sắc. Chẳng hạn, trước khi chuẩn bị cho Lý Thái Tông nối nghiệp, Lý Thái Tổ mặc dù xuất thân từ cửa Phật nhưng cũng đã để ý tới sự hài hòa của Nho, Phật, Lão. Việc cho con lập cung ở gần dân, chọn các thầy dạy cho các hoàng tử đã cho thấy thời Lý luôn chú trọng tới sự hòa hợp của Tam giáo. Chẳng hạn, với Trần Thái Tông – Trần Cảnh, để chuẩn bị cho một quân vương trị vì đất nước, cha Trần Cảnh là Trần Lý đã chủ trương với Trần Thủ Độ: "Phải tìm cho cháu một ông thầy thật thông hiểu cả Tam giáo" (*Bão táp triều Trần*, tập 1, tr.129). Vậy nên, khi vị sư phó là cư sĩ Phùng Tá Thang giảng giải cho Trần Thái Tông về Tam giáo, người này đã lấy câu "Phật – Nho – Lão thị tam gia nhất trù/ Quân sư phụ nãi ngũ luân chi yếu" (Phật – Nho – Lão tuy ba nhà nhưng chung một bếp, Vua – Cha – Thầy là cái cột của năm luân) để nhắc cho vua về sự hòa hợp của Tam giáo trong lịch sử nước nhà: "Các cụ ta đều nhiếp thống được cái tinh túy của Tam giáo. Đến đời nhà Lý, từ Lý Thái Tổ đã lấy đạo Phật làm quốc giáo. Song không vì đưa đạo Phật lên vị trí siêu việt mà có sự bài xích Nho, Lão" (*Bão táp triều Trần*, tập 1, tr.134), và "Ở nước ta, các bậc minh quân thường kiêm dùng cả ba đạo, gồm cả xuất lẫn nhập, cả siêu nhiên lẫn hiện thực, lấy cái nọ chế thắng cái kia cho thêm phong phú tinh thần về đường khai phóng. Bởi thế, việc kén hiền tài cũng xuất phát từ Tam giáo (...), các cụ ta đã tạo ra được một đạo mới thấm nhuần ý nghĩa nhân văn siêu việt của Tam giáo, trở thành nền đạo thống của quốc gia. Cái lí về Tam giáo đồng nguyên chính là ở đấy" (*Bão táp triều Trần*, tập 1, tr.134).

Việc tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý – Trần thể hiện tính dân chủ, bình đẳng giữa các tôn giáo, đặc biệt là Tam giáo. Dưới ngòi bút của Hoàng Quốc Hải, vương triều nhà Lý, mà khởi nguồn từ Lý Công Uẩn, đã kiến lập được một mô hình xã hội khá tiến bộ với chủ trương dung nạp cả ba tôn giáo Phật, Nho, Lão với phương châm hòa đồng "Xã hội nho, Tâm linh Phật, Thiên nhiên Đạo". *Tám triều vua Lý* còn cho thấy, nhà Lý tôn đạo Phật làm quốc giáo. Song không vì thế mà ức chế các dòng đạo khác. Ví dụ việc tổ chức bộ máy cai trị, vị trí của Nho giáo đã biến thành các định chế pháp luật. Còn để quản trị các tôn giáo khác, nhà nước bổ nhiệm một vị Tăng quan gọi là Hữu nhai tăng thống, một vị Đạo quan gọi là Tả nhai đạo lục... Hoặc khi xây dựng kinh thành, ngoài các cung điện là nơi coi chầu và nơi làm việc thì biểu tượng cho tôn giáo cũng được xây cất một cách tương ứng. Ví như bên hữu là chùa Vạn Tuế, bên tả là quán Thái Thanh, ở giữa là lầu Ngũ Phượng Tinh. Sự cất nhắc quan lại là ở nơi tài đức chứ không có sự phân biệt nguồn gốc tôn giáo.

Tuy nhiên đã là quan lại của triều đình thì phải hiểu thông Tam giáo (Phật – Nho – Lão). Việc đó về sau trở thành định chế quốc gia. Nghĩa là khi các thí sinh đã đỗ Minh kinh bác sĩ (Tiến sĩ), còn phải thi qua Tam giáo, nếu trúng tuyển mới được bổ nhiệm.

Tư tưởng *Tam giáo đồng nguyên* trong *việc tổ chức bộ máy nhà nước* của triều Trần (*Bão táp triều Trần*) đã có phần chuyển biến khác hơn so với triều Lý (*Tám triều vua Lý*). Đối với nhà Trần, việc tổ chức Nhà nước trung ương tập quyền theo chế độ quân chủ về cơ bản có cùng tính chất với triều Lý, nhưng chế độ quân chủ trung ương tập quyền được tăng cường và củng cố thêm một bước quan trọng. Trong ứng xử và điều hòa "Tam giáo", tuy trong thiết chế chính trị và tư tưởng, nhà Trần có mô phỏng một số quan tước của nhà Tống, đặc biệt là có sử dụng Nho giáo nhiều hơn song nhà Trần luôn luôn khẳng định "không theo chế độ nhà Tống" vì "Nhà nước đã có phép tắc nhất định, Nam Bắc khác nhau, nếu nghe theo kế của bọn học trò mặt trắng tìm đường tiến thân thì sinh loạn ngay" và "Triều trước dựng nước, tự có phong độ, không theo chế độ nhà Tống là vì Nam Bắc đều chủ nước mình, không phải noi nhau." (Ngo, 2009, p.158).

Như vậy, tư tưởng hòa hợp *Tam giáo đồng nguyên* đã cho thấy sự dung hòa giữa Nho, Phật và Đạo. Đây là một nét tư tưởng đặc trưng của chế độ chính trị thời Lý – Trần cũng như đời sống tôn giáo tín ngưỡng, trải suốt những năm dưới chế độ quân chủ chuyên chế của nước ta. Sự kết hợp nhuần nhuyễn, dung hợp giữa Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo đã tạo nên một nền văn minh Đại Việt rực rỡ và tinh hoa. Đây là giai đoạn thịnh đạt của nền văn hóa Đại Việt như Lê Quý Đôn đã nhận định "Nước Nam ở hai triều Lý, Trần nổi tiếng là văn minh". Đó chính là sự kết hợp của gam màu văn hóa dân gian với văn hóa bác học cung đình. Sự kết hợp đó đã tạo ra nét riêng biệt của văn hóa Đại Việt thời Lý – Trần, tạo tiền đề cho sự phát triển của nền văn hóa Đại Việt các triều đại sau này. Thể hiện tư tưởng "Đồng nguyên" của "tam giáo" thời đại Lý – Trần, các tác phẩm tiểu thuyết lịch sử sau 1986 đã minh chứng rằng: lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung, thời đại Lý – Trần nói riêng, xuất phát từ chất cởi mở phóng khoáng, dân chủ nên dân tộc ta sẵn sàng mở cửa tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa tư tưởng nước ngoài rồi dung hợp để tạo nên nét độc đáo riêng, phù hợp với điều kiện của một dân tộc vừa có tinh thần độc lập, tự cường vừa có sự hòa hợp.

2.2. Tư tưởng hòa hợp dân tộc

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, Phật giáo – với tư cách là một học thuyết giải thoát, đề cao cách sống lương thiện tốt đẹp của con người theo lối "Phật tính"... đã có những đóng góp quan trọng trong việc hình thành nền tư tưởng, văn hóa dân tộc Việt Nam, nhất là trong vấn đề hòa hợp dân tộc. Dấu ấn của tư tưởng này phổ quát trong hầu hết các lĩnh vực văn hóa của người Việt: từ văn hóa dân gian, văn học nghệ thuật, văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp... cho đến văn hóa ẩm thực, văn hóa kinh doanh... Trải qua những thăng trầm lịch sử, Phật giáo đã thực sự đồng hành cùng dân tộc, thể hiện

sâu sắc tinh thần nhân văn, hướng thiện, tăng cường kết nối giữa các tầng lớp nhân dân, giữa Đạo với Đời.

Thời Lý – Trần, Phật giáo được xem là quốc giáo, nghĩa là ở vị trí thượng tôn. Tuy nhiên, không vì thế mà Phật giáo lại trở thành đối trọng, cũng không thực hiện việc bài xích các tôn giáo khác (Nho, Đạo...). Trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ, mặc dù chế độ phong kiến tập quyền, các đấng quân vương thời Lý – Trần luôn xem trọng Phật giáo hơn cả, và trong công cuộc xây dựng, gìn giữ đất nước thì vai trò của các thiền sư, của nhà chùa luôn được củng cố, có liên quan mật thiết đến đa số các quyết sách của quốc gia..., song không vì thế mà Phật giáo trở nên độc tôn, độc đoán.

Tiểu thuyết lịch sử viết về thời đại Lý – Trần là những bức tranh mô tả về *sự gắn kết với đời sống chính trị, xã hội và văn hóa người Việt*. Lịch sử cho thấy: Trải qua các triều đại phong kiến, từ thời Đinh – Tiền Lê rồi đến thời Lý – Trần, Phật giáo luôn có vai trò rất quan trọng trong giáo dục, phát huy truyền thống yêu nước, nhất là trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Thời đại nào cũng có những nhà sư đồng thời là những nhà văn hóa, chính trị, quân sự, ngoại giao xuất sắc có vai trò trong công cuộc hộ quốc, an dân: Thiền sư Ngô Chân Lưu (đời nhà Đinh), Thiền sư Vạn Hạnh, Thiền sư Đa Bảo, Sùng Phạm, Thiền phái Trúc Lâm (tiêu biểu là vua Trần Nhân Tông). Chẳng hạn, việc Lý Công Uẩn lên ngôi, thành công này ngoài việc được quần thần suy tôn, còn có sự đóng góp to lớn của các thiền sư, mà Vạn Hạnh là nhân vật tiêu biểu. Chính con người này đã "khởi phát" tư tưởng hòa hợp dân tộc cho triều Lý:

> "Nhà vua nên nhớ, làm việc thiện, việc đem lại lợi ích cho dân bao nhiêu vẫn cứ là ít (...). Ta chỉ lưu ý nhà vua vài việc nhỏ:
> Lo cho dân đủ ăn, đủ mặc
> Lo cho việc binh đủ mạnh để giữ gìn quốc thổ, bảo đảm sự yên bình cho dân, cho nước.
> Lo mở mang khai trí cho dân.
> Lo khuyến thiện nhưng chớ quên trừ ác.
> Lo cho Phật sự phát khởi để nuôi dưỡng nguồn tâm và chăm sóc tâm linh cho bách tính.
> Thiên đô cũng là việc cấp bách đó" (*Tám triều vua Lý*, tập 1, tr.78-79).

Rõ ràng, qua lời chỉ dạy của Vạn Hạnh đối với Lý Công Uẩn, sự gắn kết với đời sống chính trị, xã hội và văn hóa người Việt đã được thể hiện trong tất cả các mặt của việc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tám triều vua Lý còn cho thấy, cùng với tinh thần tự chủ, độc lập, anh dũng của dân tộc, các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đã khẳng định tinh thần gắn liền đạo pháp với dân tộc của Phật giáo... Lý Công Uẩn, Lý Nhật Tôn, Lý Càn Đức khi lên ngôi đã thực hiện các chính sách thân dân, thúc đẩy gắn kết dân tộc. Đối với vua Lý Thái Tông, ngay việc tha mạng cho các vương trong "Loạn Tam Vương" hoặc lập hội thề Đồng Cổ với lời thề: "Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu bất trung, xin quỷ thần làm tội". Thậm chí, cả khi Nùng Trí Cao và mẹ làm phản, Lý Thái Tông cũng thương tình mà tha tội chết cho hai mẹ con, còn cho làm Quảng Nguyên mục và gia phong cho tước Thái Bảo... cũng

đã thể hiện tinh thần hòa hợp dưới ánh sáng của Phật giáo: hạn chế sát sinh, "cứu một mạng người hơn xây bảy tòa tháp".

Các sự kiện lịch sử trong *Tám triều vua Lý, Bão Táp Triều Trần*: Từ chuyện về việc các vua Lý đưa các hoàng tử, trước khi kế vị, về gần dân lập các cung để hiểu dân hơn..., rồi việc dạy dân tôn trọng phép nước, định rõ các bậc hình phạt, đối với các tội nhẹ, cho được lấy tiền chuộc tội; hễ năm nào đói kém, hoặc đi đánh giặc về, vua đều giảm thuế cho dân...; hoặc đến mùa xuân, vua thường về phủ Thiên Đức xem hội, lễ Phật, xem cấy lúa, đánh cá; mùa hè xem gặt hái, nghỉ mát và tu dưỡng... đến chuyện các quân vương Lý – Trần gả các công chúa cho các tù trưởng các châu mục; chuyện về các chính sách hòa giải vừa mềm vừa rắn với ngoại bang của các triều vua Lý – Trần... đều được Hoàng Quốc Hải tỉ mẩn phục dựng, khéo léo gửi gắm tư tưởng hòa hợp dân tộc qua sự gắn kết với đời sống chính trị, xã hội và văn hóa người Việt.

Không chỉ ở *Tám triều vua Lý*, Hoàng Quốc Hải còn mang đến một cái nhìn sâu sắc về tư tưởng hòa hợp dân tộc trong *Bão táp triều Trần*. Bộ tiểu thuyết 6 tập này tái hiện cả một thời kì lịch sử hào hùng của dân tộc trong việc xây dựng, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia. *Bão táp triều Trần* là một bức tranh toàn cảnh về đời sống chính trị – xã hội Đại Việt, mà ở đó tư tưởng hòa hợp dân tộc được triều đình phong kiến thực hành rộng khắp. Đọc tác phẩm của Hoàng Quốc Hải, hậu thế biết được các chính sách cai trị của nhà Trần đối với muôn dân cũng như lãnh đạo họ trong việc bảo vệ từng tấc đất của cha ông để lại. Tất cả các sự kiện trong tác phẩm đều được Hoàng Quốc Hải thể hiện một cách sinh động: Ngay sau khi "tiếp quản" ngôi chủ tế từ nhà Lý, nhà Trần đã sớm ý thức được sức mạnh của đế quốc Mông Cổ, nhất là sau cuộc xâm lăng mở đầu mang tính thăm dò Đại Việt của Hốt Tất Liệt vào cuối năm Đinh Tị (1257), và đã sớm có chủ trương củng cố đất nước để tạo sức mạnh kháng giặc từ trong lòng dân. Nhà nước chăm lo đời sống cụ thể cho mỗi phận người. Về nông nghiệp, nhà Trần đã chia thêm ruộng quốc điền cho dân, giải phóng bớt nông nô, biến họ từ nô lệ thành người tự do, người có sản nghiệp bằng cách bán ruộng công điền cho họ, cứ mỗi diện (mẫu) là 5 quan, ai thiếu tiền cho mua chịu. Cuộc cải cách này là bước quan trọng để cố kết lòng dân. Tiếp đến, nhà Trần lo đắp đê ngăn lũ từ nguồn tới biển, lại đặt chức Hà đê chánh phó sứ để giám sát đê điều.... Về chính trị, khi thấy nhà Tống có nguy cơ bị quân Mông Cổ tiêu diệt hoàn toàn, nhà Trần ráo riết chuẩn bị lực lượng giữ nước bằng cách huy động triệt để sức mạnh vật chất và trí tuệ của toàn dân tộc. Dùng người tài không phân biệt nguồn gốc xuất thân. Đặc biệt, triều đình đặt niềm tin vào lực lượng trẻ. Mở đầu là việc Hoàng thái tử Trần Khâm mới 20 tuổi được vua cha (Trần Thánh Tông) trao truyền ngôi báu. Hàng loạt các tướng trẻ xuất hiện như Phạm Ngũ Lão, chàng trai nông dân mới 18 tuổi được Trần Hưng Đạo dùng làm tướng. Yết Kiêu, Dã Tượng chỉ là gia nô cũng trở thành tướng giỏi... Đọc *Tám triều vua Lý* và *Bão táp triều Trần* mới thấy được rằng: Hai thời đại Lý – Trần, triều đình phong kiến Việt Nam đã đặt

lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc lên hàng đầu. Các đấng minh quân là những người lãnh đạo đất nước vừa sáng suốt, vừa độ lượng, khoan dung, đã đặt trọn vẹn niềm tin vào dân.

Tư tưởng hòa hợp dân tộc trong các tác phẩm tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Xuân Khánh (*Hồ Quý Ly, Mẫu Thượng Ngàn, Đội gạo lên chùa*...) được thể hiện qua những biểu tượng "hồn nước" "hồn đất" hay là tinh thần dân tộc đắm đuối. Tất cả được hòa hợp như một tư tưởng kiến tạo văn hóa trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh... và trong *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng* của Bùi Anh Tuấn, đó là những câu chuyện về những cuộc chiến chống giặc Mông – Nguyên đầy khốc liệt và vinh quang; những trăn trở, khắc khoải về Đạo – Đời trong việc trị nước an dân cùng những khát khao hòa hợp dân tộc đều hiển hiện trong từng câu chuyện của nhà vua, và đó cũng là câu chuyện về con đường chung tay xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Tiểu thuyết lịch sử của Hoàng Quốc Hải (*Bão táp triều Trần, Tám triều vua Lý*), Bùi Anh Tấn (*Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng*), Nguyễn Xuân Khánh (*Hồ Quý Ly*), Võ Thị Hảo (*Giàn thiêu*)... đều cho thấy ở cả nhà Lý và Trần, chính sách dung hòa tôn giáo đã thúc đẩy nền văn hóa và giáo dục phát triển. Nhìn chung, trong tiểu thuyết lịch sử viết về thời đại Lý – Trần, chúng ta nhận thấy rằng: Phật giáo đã lấy đạo đức, trí tuệ làm cốt lõi cho sự tồn tại và phát triển, và đây cũng chính là một trong các giá trị căn bản của Phật giáo, khiến cho tôn giáo này trở thành đạo của sự giác ngộ, và giác ngộ là để giải thoát khỏi tham lam, thù hận. Xã hội lúc bấy giờ, từ ngôi cửu ngũ cho đến thứ dân, đã vận dụng những tinh hoa trong tư tưởng, triết lí của đạo Phật phục vụ cho công cuộc xây dựng và chấn hưng đất nước. Và hơn thế, khi những con người này có những nhận thức đúng đắn cả về xã hội và về tự nhiên, hiểu rõ quan hệ của cá nhân trong cộng đồng và ảnh hưởng của xã hội tới cá nhân thì sẽ có hành động và ứng xử đúng mực, hài hòa giữa (con người và tự nhiên, cá nhân và cộng đồng), biết sống hòa đồng và tăng cường hỗ trợ lẫn nhau.

2.3. Tư tưởng Từ bi bác ái

Cùng với tinh thần hòa hợp, tinh thần Từ bi bác ái là một trong những đặc trưng của Phật giáo. Khi du nhập vào đất nước ta, đạo Phật càng phát huy tinh thần nhân đạo và nhân văn một cách sâu sắc. Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc, luôn gắn liền vận mạng dân tộc, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, thăng trầm cùng dân tộc, trải qua nhiều thời đại và trong mọi hoàn cảnh. Sự an nguy của dân tộc cũng chính là nỗi lo canh cánh trong lòng của những người con Phật, bởi tất cả đều luôn mong muốn một đời sống thanh bình an lạc... Sự gắn kết mật thiết này đã hòa quyện nhuần nhuyễn giữa truyền thống đạo đức của tổ tiên với tinh thần từ bi, trí tuệ, vị tha, vô ngã của đạo Phật. Sự hòa quyện này đã tạo nên dấu ấn sinh động trong công cuộc dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước, điều đó được thể hiện qua những trang sử vàng của lịch sử: từ thời Đinh – Lê cho đến thời Lý – Trần, đến các đời sau và nhất là thời đại Hồ Chí Minh lịch sử.

Với *Tám triều vua Lý* (Hoàng Quốc Hải), *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng* (Bùi Anh Tấn), *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), *Giàn thiêu* (Võ Thị Hảo)... các nhà tiểu

thuyết lịch sử đương đại đã ý thức sâu sắc gắn kết những tư tưởng quảng đại từ bi bác ái trong việc tái hiện lịch sử tạo nên những dấu ấn khó quên trong lòng độc giả. Tóm lược các sự kiện tiêu biểu của *Tám triều vua Lý* cùng *Bão táp triều Trần* và những chi tiết cô đọng từ *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng*, có thể thấy rằng tính bác ái, nhân văn – dấu ấn của văn hóa Phật giáo, trước hết, được thể hiện qua chính sách cai trị của các vương triều. Người đọc thấy được "ánh sáng của tư tưởng Thiền" được thể hiện qua việc cai trị đất nước của các đấng quân vương từ triều Lý đến triều Trần. Hai triều đại này đều cai trị đất nước bằng tấm lòng bác ái, từ bi hỉ xả, mọi chúng sinh đều bình đẳng trước Phật tổ, nhưng không bài bác các tôn giáo khác mà đề xuất một chủ trương tiến bộ là "Tam giáo đồng nguyên".

Thông qua hệ thống nhân vật, *Tám triều vua Lý, Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải) và *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng* (Bùi Anh Tấn) nhận diện khá đầy đủ các đối tượng từ các vị hoàng đế ở ngôi "cửu ngũ chí tôn" đến tầng lớp thứ dân, và đều được miêu tả ở những cấp độ khác nhau. Họ xuất hiện như là điều kiện tất yếu cấu thành các giai tầng xã hội, một mặt chi phối hoàn cảnh lịch sử đương thời, mặt khác tạo nên sự tương hỗ về đặc điểm tâm lí, đặc thù văn hóa và hơn hết là sự manh nha cho một tư tưởng thời đại tương đối cởi mở. Chẳng hạn, ở *Tám triều vua Lý*, Hoàng Quốc Hải đã cho thấy: Lý Thái Tổ là bậc minh quân, đồng thời là người ái dân, được thể hiện ra bằng các hành vi cụ thể, chứ không ở lời nói suông. Ngay khi vừa giữ ngôi nước, việc đầu tiên Lý Công Uẩn làm là bãi bỏ tất cả các hình thức xử tội man rợ của các triều đại trước như ném người vào vạc dầu, nhốt tội nhân vào các chuồng hổ, báo cho thú dữ ăn thịt, đẩy tội nhân xuống hầm rắn độc, tuốt xác người bằng các thân cây nứa già đập dập, trói người có tội vào cọc đóng bên mép sông khi nước cạn, chờ khi nước lên ngập, dìm người đó chết dưới nước sâu, hoặc các tội như voi giày, ngựa xé... Tiếp sau đó, vua cho "cấp tiền gạo cho dân lưu tán, vì không chịu nổi ách áp bức của cường hào, phải bỏ quê hương đi tha phương cầu thực, nay được trở về quê cũ làm ăn"; "đại xá tô thuế cho cả nước trong ba năm liền", thương dân nghèo không có ruộng cày cấy, nhà nước khuyến khích nông dân khai hoang vỡ hóa các đất bãi bồi, đất bìa rừng, đất hoang hóa tùy theo công sức bỏ ra mà tha tô thuế cho từ ba, năm hoặc bảy năm, và cho làm chủ luôn đất ấy. Những việc làm của Lý Thái Tổ đã "ngược lại tất cả những gì ác vương Lê Long Đĩnh đã làm. Trước hết phải cứu lấy đám lê dân đang ngắc ngoải vì đói" (*Tám triều vua Lý*, tập 1, tr.78). Đời sau Lý Thái Tổ, tư tưởng từ bi bác ái còn được con cháu ngài kế thừa và thực hành, như lời Lý Thánh Tông chỉ dụ các tướng sĩ khi đích thân ngài dẫn quân phạt Chiêm Thành: "Nhưng khi đối phương đã hàng hoặc ta đã giành được phần thắng tuyệt nhiên không được lạm sát nữa, nhất là đối với những binh sĩ đối phương bị thương phải nằm lại chiến trường và những người dân tay không có vũ khí, nếu không giúp đỡ được họ thì cũng không được phép đụng đến sự an toàn tính mạng của họ. Các tướng nên dạy binh sĩ luật nhân quả không trừ một ai. Nếu ta giết họ thời mai sẽ đến lượt họ giết ta, hoặc con cháu ta phải thường mạng đó" (*Tám triều vua Lý*, tập 3,

tr.699). Tiểu thuyết của Hoàng Quốc Hải còn chứng minh một điều: Một trong những lí do quan trọng để cơ đồ nhà Lý tồn tại được suốt hơn hai trăm năm, ấy là trong cách điều hành chính sự của nhà Lý có rất nhiều điểm mang nặng tư tưởng và tình cảm của Phật giáo, và chỉ có tư tưởng, triết lí nhân sinh của Phật giáo mới có thể giúp đấng minh quân như các vua nhà Lý có được tấm lòng bao dung, độ lượng và hành động nghĩa hiệp đến như thế. Sự kiện Lý Thái Tổ băng hà, ba vương là Đông Chinh Vương, Dực Thánh Vương và Vũ Đức Vương làm phản, Lý Phật Mã nhờ có Lê Phụng Hiểu phò trợ, diệt được Vũ Đức Vương và đánh đuổi được Đông Chinh Vương, Dực Thánh Vương. Trái với lẽ thường, sau khi lên ngôi, Lý Thái Tông không truy sát hai vương mà lại xuống chiếu tha cho, lại cho tước hiệu, bổng lộc như cũ; hay như khi Nùng Trí Cao ở biên giới phía Bắc làm phản, vua đi đánh thắng, thương xót vì cha Trí Cao làm phản đã bị giết nên tha cho, lại phong tước, cho trấn giữ vùng biên ải; khi vua thân đi đánh Chiêm Thành, vua ra lệnh không cho quân sĩ tàn sát dân thường, ai giết dân phải đền mạng... Những chi tiết tiêu biểu này cùng nhiều chi tiết khác trong tác phẩm chứng tỏ tinh thần, tư tưởng từ bi bác ái của đạo Phật đã được các vua nhà Lý thấm nhuần sâu sắc.

Trong *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng*, từ góc nhìn của tư tưởng quảng đại từ bi, bác ái, Bùi Anh Tấn đã chọn những sự kiện lịch sử quan trọng có liên quan đến nhân vật để luận giải, bằng cách để cho các nhân vật bàn luận, nhận xét, đánh giá nhằm làm sáng tỏ tư tưởng quảng đại từ bi, bác ái một cách khách quan và công bằng nhất. Ví dụ, sự kiện thay triều đổi ngôi giữa nhà Lý vào tay nhà Trần dưới bàn tay sắp đặt của Trần Thủ Độ hay việc ép vua Thái Tông từ bỏ Lý Chiêu Hoàng để lấy chị dâu Thuận Thiên bị các nhà sử học lên án gay gắt. Thế nhưng trong nhu cầu đối thoại để tìm ra chân lí chứ không dễ dàng chấp nhận sự phán xét của quá khứ, Bùi Anh Tấn đã đưa cái nhìn khách quan công bằng cho tiền nhân thông qua cuộc bàn luận của nhân vật học trò với Đạo trưởng An Kỳ Sinh, những cuộc tự vấn của Trần Thái Tông và Trần Thủ Độ. Trong ván bài chính trị ấy, Trần Cảnh chỉ là con rối trong "tấn trò đời" quyền lực. Trần Thủ Độ một mặt là con người tội lỗi, vì đam mê quyền lực mà vượt qua luân thường, đạo lí, mặt khác, ông lại hết lòng vì dòng họ, vì nước, vì dân. Đặc biệt, Bùi Anh Tấn đã xây dựng hình ảnh Phật hoàng Trần Nhân Tông với đầy ắp những nỗi lo âu thế tục. Qua những dòng tâm trạng miên man không dứt của đức Phật Hoàng, chúng ta thấy hiện lên nỗi đau tê tái cõi lòng khi vì đại cuộc mà phải cống em gái rồi gả con gái cho ngoại bang; hiện lên nỗi xót thương quân lính cả hai bên (quân Trần và quân Nguyên Mông) lâm vào cảnh máu chảy đầu rơi... Đó cũng là những âu lo về mối quan hệ giữa các tôn thất nhà Trần, cả những tính toán, quyết sách lạnh lùng, chuẩn xác và "tàn nhẫn" ở tầm chiến lược để đảm bảo hòa bình, ổn định cho đất nước, dân tộc... Chỉ đến khi sắp về với Phật, tâm trí của đức Điều Ngự mới thảnh thơi, an lạc. Như vậy, có thể thấy việc giải thiêng đức Phật Hoàng của nhà văn thực chất là hành trình khắc họa tâm trạng, suy nghĩ rất đời, rất người của đức Phật Hoàng, những suy nghĩ tưởng chừng như không thể có ở bậc tôn giả đại trí. Và đó cũng là một cách để tôn vinh một trong những con

người tinh hoa, vĩ đại nhất của dân tộc. Cũng từ cái nhìn của tư tưởng quảng đại từ bi bác ái, nhà văn để cho một số nhân vật có sự am hiểu về lĩnh vực tôn giáo như Đại sư Bảo Sát, Đạo trưởng An Kỳ Sinh bàn bạc về sự ra đời và vai trò "giáo hóa chúng sinh" của Đạo gia hay mối quan hệ giữa Nho gia và Đạo gia; đặc biệt, tác giả đã làm rõ ảnh hưởng của tư tưởng quảng đại từ bi bác ái của Phật giáo tới đạo trị nước, dựng nước, và bảo vệ đất nước của các vị vua nhà Trần từ Trần Thái Tông đến Trần Nhân Tông, đem đạo vào đời theo tinh thần "phụng sự chúng sinh cúng dường chư Phật".

Tiểu thuyết của Hoàng Quốc Hải và Bùi Anh Tấn còn cho thấy: Sở dĩ vương triều Lý - Trần xã hội ít có những biến động và có được sự ổn định tương đối dài (triều Lý kéo dài 216 năm, triều Trần kéo dài 175 năm) còn do một nguyên nhân vô cùng quan trọng: Các triều đại này có Tâm linh Phật. Các đấng quân vương khi trị vì đều chủ trương từ bi bác ái, coi chúng sinh đều bình đẳng và mỗi cá thể đều có Phật tính trong người. Cả Bùi Anh Tấn và Hoàng Quốc Hải đều đã có những trang phân tích, bình luận vô cùng thấu đáo qua một số cuộc đàm đạo giữa các thiền sư với các vị vua Lý – Trần. Đọc *Tám triều vua Lý, Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải) và *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng* (Bùi Anh Tấn), người ta thấy rõ ràng tôn giáo không phải là thuốc phiện ru ngủ, làm tê liệt ý chí đấu tranh của nhân dân mà là một điểm tựa tinh thần để hướng con người đến việc thiện, điều lành. Các nhân vật thiền sư (Khuông Việt đại sư, Thiền sư Vạn Hạnh, Thiền sư Đa Bảo, Thiền sư Định Hương...) đã góp phần không nhỏ vào việc khai tâm dưỡng tính cho các đấng quân vương chủ tể tương lai bằng tinh thần vị tha bất vị ngã của triết lí Thiền. Và đến lượt các quân vương chủ tể, họ lại hiện thực hóa tinh thần vị tha, bác ái vào công việc chăm lo đời sống, giáo dưỡng trăm họ.

3. Kết luận

Là cái nhìn từ thời đại hôm nay về dĩ vãng lịch sử, tiểu thuyết viết về thời Lý – Trần đã mang đến một bức tranh toàn cảnh về đời sống tinh thần và vật chất của Đại Việt dưới thời hai vương triều nhà Lý và Trần. Các tác giả đã triệt để sử dụng chất liệu lịch sử để biến nó thành phương tiện giúp thâm nhập quá khứ, tìm ra bài học cho thực tại. Và như vậy, các tác phẩm đã thực sự trở thành cầu nối giữa hiện tại và quá khứ. Tuy nhiên, lịch sử không đơn thuần là những vấn đề đã qua mà còn là sự quan tâm của con người ngày hôm nay.

Mang cái nhìn đa chiều về đời sống, mỗi sự kiện, con người trong lịch sử có thể tồn tại nhiều cách đánh giá từ nhiều góc độ khác nhau. Tiểu thuyết lịch sử viết về thời Lý – Trần, với cảm quan của con người hiện đại, các tác giả Hoàng Quốc Hải, Bùi Anh Tấn, Nguyễn Xuân Khánh, Võ Thị Hảo đã thể hiện cái nhìn đa chiều về đời sống. Dấu ấn tư tưởng của văn hóa Phật giáo trong *Bão táp triều Trần*, *Tám triều vua Lý* (Hoàng Quốc Hải), *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng* (Bùi Anh Tấn), *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), *Giàn thiêu* (Võ Thị Hảo)... được các tác giả khai thác ở một số tư tưởng chủ yếu như: Tam giáo đồng nguyên, hòa hợp dân tộc và Từ bi bác ái đã gắn kết độc giả hôm nay tìm về nguồn cội, tìm lại những giá trị đáng quý trong tâm thức con người trong quá khứ.

❖ ***Tuyên bố về quyền lợi:*** *Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.*

TÁC PHẨM KHẢO SÁT

Bùi Anh Tấn (2009). *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng*. TP Hồ Chí Minh: NXB Văn hóa Sài Gòn.

Hoàng Quốc Hải (2010). *Tám triều vua Lý*, 4 tập. Hà Nội: NXB Phụ nữ.

Hoàng Quốc Hải (2010). *Bão táp triều Trần*, 6 tập. Hà Nội: NXB Phụ nữ.

Nguyễn Xuân Khánh (2000). *Hồ Quý Ly*. Hà Nội: NXB Phụ nữ.

Võ Thị Hảo (2005). *Giàn thiêu*. Hà Nội: NXB Phụ nữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Many authors (1989). *Literature Ly – Tran* [*Tho van Ly - Tran*]. Episode II. Hanoi: Social science Publishing House.

Many authors (2008). *Buddhism and thought equality* [*Dao Phat va tu tuong binh dang*]. Hanoi: Labour Publishing House.

Ngo, S. L. (2009). *Dai Viet signed the whole letter* [*Dai Viet su ki toan thu*]. Hanoi: Culture - Information Publishing House.

Nguyen, D. D. (editor owner) (2012). *History and culture, artistic look Nguyen Xuan Khanh* [*Lich su va van hoa, cai nhin nghe thuat Nguyen Xuan Khanh*]. Hanoi: Women's Publishing House.

Tran, L. B. (2011). *Decode literature from cultural codes* [*Giai ma van hoc tu ma van hoa*]. Hanoi: National University Publishing House.

IMPRINTS OF BUDDHIST THOUGHTS DURING LY – TRAN DYNASTIES IN HISTORICAL NOVELS AFTER 1986

Le Thi Thu Trang

Sai Gon University, Vietnam

Corresponding author: Le Thi Thu Trang – Email: ltttrangsgu@gmail.com

Received: February 04, 2020; Revised: March 10, 2020; Accepted: April 18, 2020

ABSTRACT

This research paper applies a typological approach to investigate the ideological imprints of the Buddhist culture in Vietnamese historical novels after 1986 written about the Ly – Tran dynasties. Of these ideologies, the three religions of the same origin, the ideology of national harmony, and the ideology of compassion and charity were the blue prints for writers to inteprete and write about human and world issues. The contemporary authors of historical fictions have sought "the national identity, the national values" in historical topics, aiming at exploring the roots of the culture for the intense vitality of the Vietnamese culture.

Keywords: historical novels; Ly – Tran dynasties; Buddhist thoughts; Vietnamese Literature after 1986